

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÍ 3 NĂM 2011**

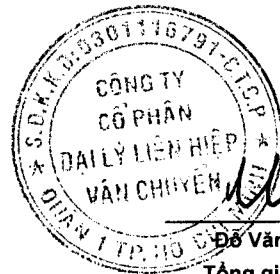
**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT**  
**Quý III Năm 2011**

Chỉ tiêu	Quý 3		Tích lũy đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ	394.978.882.405	367.692.215.566	1.071.712.885.714	1.084.294.129.718
2 Các khoản giảm trừ				
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	394.978.882.405	367.692.215.566	1.071.712.885.714	1.084.294.129.718
4 Giá vốn hàng bán	382.951.049.095	329.747.410.506	1.031.547.561.214	987.081.552.676
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	12.027.833.310	37.944.805.060	40.165.324.500	97.212.577.042
6 Doanh thu hoạt động tài chính	47.468.490.675	45.450.073.890	193.615.718.104	119.404.409.677
7 Chi phí tài chính	31.409.681.816	47.964.739.226	196.184.072.293	109.473.195.159
Trong đó :	-			
- Chi phí lãi vay	18.732.451.878	27.526.471.759	51.687.809.518	52.852.935.554
8 Chi phí bán hàng	1.516.362.587	276.352.056	3.760.958.585	617.720.275
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.136.338.773	12.392.024.394	48.796.721.459	43.397.795.570
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.433.940.810	22.761.763.274	(14.960.709.733)	63.128.275.715
11 Thu nhập khác	4.075.347.201	474.771.173	32.061.669.058	44.484.337.565
12 Chi phí khác	925.105.642	370.038.479	11.763.951.827	6.481.926.020
13 Lợi nhuận khác	3.150.241.559	104.732.694	20.297.717.231	38.002.411.545
14 Lợi nhuận trước thuế	10.584.182.368	22.866.495.968	5.337.007.498	101.130.687.260
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		981.609.497	3.958.232.868	11.441.539.346
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(1.954.158.206)
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.584.182.368	21.884.886.471	1.378.774.630	91.643.306.120

Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 10 năm 2011

Trương Như Nguyễn  
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh  
Tổng giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 09 năm 2011**

Đơn vị tính: VND

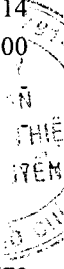
TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.154.078.496.515</b>	<b>1.855.442.610.254</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>464.983.273.786</b>	<b>261.855.538.610</b>
1.	Tiền	111		256.964.273.786	93.268.741.558
2.	Các khoản tương đương tiền	112		208.019.000.000	168.586.797.052
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>705.909.959.555</b>	<b>782.752.507.716</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	829.930.877.746	857.998.023.712
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(124.020.918.191)	(75.245.515.996)
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>832.149.779.981</b>	<b>658.722.296.318</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	362.661.226.467	279.714.658.775
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	97.957.653.648	87.232.620.572
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	372.359.959.188	292.604.076.293
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.597.017.048</b>	<b>31.494.976.403</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	43.597.017.048	31.494.976.403
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>107.438.466.145</b>	<b>120.617.291.208</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	36.513.138.868	7.559.556.079
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		997.950.193	171.485.354
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	12.913.973.772	9.851.020.124
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	57.013.403.313	103.035.229.651

**Bảng cân đối kế toán quý 3 năm 2011 (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.184.557.564.448</b>	<b>2.911.294.385.724</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.12	37.000.000.000	37.000.000.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>751.367.177.104</b>	<b>716.719.399.884</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	686.484.570.262	656.854.093.556
	<i>Nguyên giá</i>	222		1.192.944.987.948	1.107.465.742.961
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(506.460.417.686)	(450.611.649.405)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	4.293.300.525	7.266.838.830
	<i>Nguyên giá</i>	225		23.890.768.666	23.890.768.666
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(19.597.468.141)	(16.623.929.836)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.15	14.009.601.489	14.935.179.723
	<i>Nguyên giá</i>	228		17.104.321.171	17.104.321.171
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.094.719.682)	(2.169.141.448)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	46.579.704.828	37.663.287.775
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.17</b>	<b>242.175.181.035</b>	<b>251.094.268.173</b>
	<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(37.273.258.760)	(28.354.171.622)
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.106.574.124.555</b>	<b>1.858.666.120.194</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.18	942.136.944.122	936.984.944.122
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.19	309.669.472.143	309.669.472.143
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.20	981.835.919.746	686.801.844.885
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.21	(127.068.211.456)	(74.790.140.956)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.441.081.754</b>	<b>47.814.597.473</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.22	5.109.334.634	8.922.750.353
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.23	42.331.747.120	38.891.847.120
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>5.338.636.060.963</b>	<b>4.766.736.995.978</b>

**Bảng cân đối kế toán quý 3 năm 2011 (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.895.981.268.540</b>	<b>1.256.398.181.305</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.183.669.249.629</b>	<b>750.668.286.436</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	473.421.886.415	320.247.600.198
2.	Phải trả người bán	312	V.25	133.331.305.524	111.740.232.090
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.26	25.581.092.345	4.540.635.640
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	10.157.112.108	4.657.817.782
5.	Phải trả người lao động	315	V.28	5.243.811.455	14.914.367.746
6.	Chi phí phải trả	316	V.29	18.716.799.162	14.081.299.436
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	507.339.405.358	273.810.520.210
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.31	9.877.837.261	6.675.813.335
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>712.312.018.911</b>	<b>505.729.894.869</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.32	22.980.690.597	22.966.486.155
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.33	688.784.045.000	481.784.045.000
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		547.283.314	547.283.314
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.14	-	432.080.400
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.442.654.792.424</b>	<b>3.510.338.814.672</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3.442.654.792.424</b>	<b>3.510.338.814.672</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	2.169.160.586.400	2.169.160.586.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.34	69.388.382.902	69.388.382.902
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-

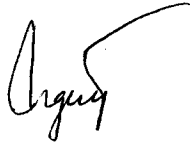


6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	29.429.404.912	23.765.156.863
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.34	26.315.340.005	20.651.091.956
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	148.361.078.205	227.373.596.551
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1.	Nguồn kinh phí	432			
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>5.338.636.060.963</b>	<b>4.766.736.995.978</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2011



**Trương Như Nguyên**  
Người lập biểu



**Nguyễn Minh Nguyệt**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Văn Minh**  
Tổng Giám đốc



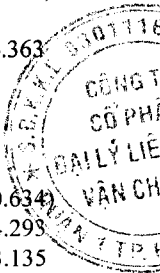
**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****QUÍ 3 NĂM 2011**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.337.007.498	101.130.687.260
2. Điều chỉnh cho các khoản:		-	
- Khấu hao tài sản cố định	02	68.666.971.958	70.573.657.403
- Các khoản dự phòng	03	101.053.472.695	13.969.678.540
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(15.920.701.209)	10.569.755.190
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(137.175.180.473)	(39.204.148.158)
- Chi phí lãi vay	06	51.687.809.518	52.852.935.554
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	73.649.379.986	209.892.565.789
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(114.910.489.328)	(116.477.462.896)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(12.102.040.646)	2.263.807.389
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	131.270.725.552	(3.079.103.004)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(25.140.167.070)	(3.197.304.967)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(51.718.428.637)	(46.013.104.067)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.474.812.140)	(11.000.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	87.992.776.728	62.321.749.588
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(20.391.292.976)	(52.146.280.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>65.175.651.470</b>	<b>42.564.867.832</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(94.395.662.040)	(70.654.063.230)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	36.125.001.817	4.751.636.363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(274.251.119.027)	(396.119.240.634)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	2.132.190.132	133.859.344.293
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	109.551.069.565	39.733.933.135
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(220.838.519.553)</b>	<b>(288.428.390.073)</b>



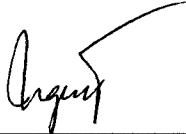
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 3 năm 2011 (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	1.160.384.528.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	760.449.028.148	601.900.235.235
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(400.260.537.489)	(248.331.663.075)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(5.171.816.007)	(4.620.657.717)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>355.016.674.652</b>	<b>1.508.332.442.443</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>199.353.806.569</b>	<b>1.262.468.920.202</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>261.855.538.610,</b>	<b>92.732.327.324</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.773.928.606	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>464.983.273.785</b>	<b>1.355.201.247.526</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2011



**Trương Như Nguyên**  
Người lập biểu



**Nguyễn Minh Nguyệt**  
Kế toán trưởng



**Đỗ Văn Minh**  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT** **Quý III/2011**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
  - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
  - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
  - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
  - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
  - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
  - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
  - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
  - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan;
  - Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 3 năm 2011 bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm 2011 đến 30 tháng 09 năm 2011.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

### **6. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

### **7. Tài sản thuê hoạt động**

#### ***Công ty là bên cho thuê***

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

#### ***Công ty là bên đi thuê***

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **8. Bất động sản đầu tư**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

#### ***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

### **10. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **11. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **12. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

#### ***Lãi thuê tài chính***

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

#### ***Chi phí khác***

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

### **13. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **14. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phân chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### **15. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### **16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **17. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/09/2011 : 20.628 VND/USD

### **20. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

### **21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.714.221.523	4.582.889.224
Tiền gửi ngân hàng	245.214.419.821	88.631.079.443
Tiền đang chuyển	35.632.442	54.772.891
Các khoản tương đương tiền (*)	208.019.000.000	168.586.797.052
<b>Cộng</b>	<b><u>464.983.273.786</u></b>	<b><u>261.855.538.610</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	258.034.485.891	759.682.317.096
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	571.896.391.855	98.315.706.616
<b>Cộng</b>	<b><u>829.930.877.746</u></b>	<b><u>857.998.023.712</u></b>

(\*) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt là 45.050.604.000 VND được đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh (xem thuyết minh V.24).

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	75.245.515.996
Trích lập dự phòng bổ sung	48.775.402.195
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>124.020.918.191</u></b>

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động đại lý tàu biển	9.354.722.505	3.314.876.327
Hoạt động khai thác vận tải	281.793.576.315	198.750.549.547
Dịch vụ cho thuê tài sản	11.048.803.985	18.003.934.480
Dịch vụ khai thác cảng, bãi container và các dịch vụ khác	60.464.123.662	59.645.298.421
<b>Cộng</b>	<b><u>362.661.226.467</u></b>	<b><u>279.714.658.775</u></b>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	40.465.592.210	38.000.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	26.596.728.992	34.179.996.948
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sài Gòn	750.000.000	6.848.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xanh		
Công ty tư vấn xây dựng cảng đường thủy	-	1.250.000.000
Công ty TNHH một thành viên Ba Son	1.281.978.807	-
Các nhà cung cấp khác	28.863.353.639	6.954.623.624
<b>Cộng</b>	<b>97.957.653.648</b>	<b>87.232.620.572</b>
<b>6. Các khoản phải thu khác</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	2.243.990.238	13.825.077.091
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.500.000.000	3.500.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	249.040.530.781	236.160.669.987
<i>Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh</i>	<i>35.000.000.000</i>	<i>83.000.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>	<i>52.500.000.000</i>	<i>49.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	<i>125.527.885.366</i>	<i>38.509.465.984</i>
<i>Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M</i>	<i>18.946.000.000</i>	<i>18.946.000.000</i>
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>	-	7.765.231.397
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>	16.997.482.937	11.855.467.796
<i>Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ</i>	-	13.806.272.000
<i>Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác</i>	<i>69.162.478</i>	<i>13.278.232.810</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.357.505.823	9.260.618.700
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	20.401.121.723	6.234.829.842
Các khoản phải thu khác	42.816.810.623	23.622.880.673
<i>Grand Atlantic Shipping</i>	-	8.192.514.219
<i>Phải thu công nhân viên tiền lãi vay</i>	<i>4.921.351.535</i>	<i>4.921.351.535</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>37.895.459.088</i>	<i>10.509.014.919</i>
<b>Cộng</b>	<b>372.359.959.188</b>	<b>292.604.076.293</b>
<b>7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần biển Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyễn Trân	190.500.000	190.500.000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Ông Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140.112.750	140.112.750
<b>Cộng</b>	<b>829.059.322</b>	<b>829.059.322</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### 8. Hàng tồn kho

Nhiên liệu tồn trên tàu.

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tàu	9.668.011.494	4.246.532.992
Chi phí bảo hiểm	5.161.063.712	2.082.876.829
Chi phí thuê tàu	13.417.096.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.266.967.662	1.230.146.258
<b>Cộng</b>	<b><u>36.513.138.868</u></b>	<b><u>7.559.556.079</u></b>

### 10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác	12.913.973.772	9.851.020.124
<b>Cộng</b>	<b><u>12.913.973.772</u></b>	<b><u>9.851.020.124</u></b>

### 11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	28.821.483.335	16.205.159.446
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.191.919.978	86.830.070.205
<b>Cộng</b>	<b><u>57.013.403.313</u></b>	<b><u>103.035.229.651</u></b>

### 12. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>37.000.000.000</u></b>	<b><u>37.000.000.000</u></b>

### 13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	76.358.214.834	106.792.649.915	912.177.760.199	12.137.118.013	1.107.465.742.961
Tăng trong kỳ	4.060.726.132	67.440.000	96.439.908.960	874.003.607	101.442.078.699
Mua sắm mới	4.060.726.132	67.440.000	96.372.986.496	853.756.759	101.354.909.387
Tăng khác	-	-	66.922.464	20.246.848	87.169.312
Giảm trong kỳ	(14.227.430.816)	-	(493.713.638)	(1.241.689.258)	(15.962.833.712)
Thanh lý, nhượng bán	(14.227.430.816)	-	(388.713.638)	(1.241.689.258)	(15.857.833.712)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

<i>Giảm khác</i>	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>66.191.510.150</b>	<b>106.860.089.915</b>	<b>1.008.123.955.521</b>	<b>11.769.432.362</b>	<b>1.192.944.987.948</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>31.992.806.047</b>	<b>78.067.415.571</b>	<b>330.951.051.099</b>	<b>9.600.376.688</b>	<b>450.611.649.405</b>
Tăng trong kỳ	1.676.796.104	6.087.193.061	51.978.994.492	1.509.162.230	61.252.145.887
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>1.676.796.104</i>	<i>6.087.193.061</i>	<i>51.967.530.787</i>	<i>1.488.915.382</i>	<i>61.220.435.334</i>
<i>Tăng khác</i>	-	-	11.463.705	20.246.848	31.710.553
Giảm trong kỳ	(3.660.018.599)	-	(501.669.749)	(1.241.689.258)	(5.403.377.606)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(3.660.018.599)</i>	-	<i>(388.713.638)</i>	<i>(1.241.689.258)</i>	<i>(5.290.421.495)</i>
<i>Giảm khác</i>	-	-	(112.956.111)	-	(112.956.111)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>30.009.583.552</b>	<b>84.154.608.632</b>	<b>382.428.375.842</b>	<b>9.867.849.660</b>	<b>506.460.417.686</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số đầu năm</b>	<b>44.365.408.787</b>	<b>28.725.234.344</b>	<b>581.226.709.100</b>	<b>2.536.741.325</b>	<b>656.854.093.556</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>36.181.926.598</b>	<b>22.705.481.283</b>	<b>625.695.579.679</b>	<b>1.901.582.702</b>	<b>686.484.570.262</b>

**14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài chính 80 containers của Seacastle Container Leasing, thời hạn 5 năm.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	23.890.768.666	16.623.929.836	7.266.838.830
Tăng trong kỳ	-	2.973.538.305	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>23.890.768.666</b>	<b>19.597.468.141</b>	<b>4.293.300.525</b>

**15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.352.483.410	9.751.837.761	17.104.321.171
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.352.483.410</b>	<b>9.751.837.761</b>	<b>17.104.321.171</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	2.169.141.448	2.169.141.448
Khấu hao trong kỳ		925.578.234	925.578.234
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>3.094.719.682</b>	<b>3.094.719.682</b>

**Giá trị còn lại**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	7.352.483.410	7.582.696.313	14.935.179.723
Số cuối kỳ	7.352.483.410	6.657.118.079	14.009.601.489
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	9.395.025.911	161.093.359.170	(152.176.942.117)	18.311.442.964
XDCB dở dang	28.268.261.864	-	-	28.268.261.864
- Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	20.746.655.945	-	-	20.746.655.945
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-	-	3.658.444.173
- Các dự án khác	1.168.682.655	-	-	1.168.682.655
<b>Cộng</b>	<b>37.663.287.775</b>	<b>161.093.359.170</b>	<b>(152.176.942.117)</b>	<b>46.579.704.828</b>

**17. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	279.448.439.795	28.354.171.622	251.094.268.173
Tăng trong kỳ	-	8.919.087.138	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>279.448.439.795</b>	<b>37.273.258.760</b>	<b>242.175.181.035</b>

Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

Thu nhập từ việc cho thuê	68.534.263.621
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	21.648.223.559

**18. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con

Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)

Vốn đầu tư

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<b>Theo giấy phép</b>	<b>Thực góp</b>	
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	73,80	73,80	36.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	55,00	9,43	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	46,00	46,00	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000
Công ty TNHH MTV Logistic Biển Sáng	100	100	2.152.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>942.136.944.122</b>

**19. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<b>Tên công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</b>		<b>Vốn đầu tư (VND)</b>
	<b>Theo giấy phép</b>	<b>Thực góp</b>	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	10,94	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	23,00	23,00	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000
<b>Cộng</b>			<b>309.669.472.143</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**20. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	203.374.669.600	203.374.669.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	637.561.250.146	321.827.175.285
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	140.900.000.000	161.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>981.835.919.746</u></b>	<b><u>686.801.844.885</u></b>

(\*) Trong đó, khoản tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh.

**21. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	36.792.330.200	36.792.330.200
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	68.677.403.707	21.303.348.530
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	13.426.425.483	11.225.057.453
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác	8.172.052.066	5.469.404.773
<b>Cộng</b>	<b><u>127.068.211.456</u></b>	<b><u>74.790.140.956</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	74.790.140.956
Trích lập dự phòng bổ sung	52.278.070.500
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>127.068.211.456</u></b>

**22. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí sửa chữa	8.832.114.060	-	(3.785.191.740)	5.046.922.320
Lãi thuê tài chính	90.636.293	-	(88.988.357)	1.647.936
Chi phí khác	-	97.223.000	(36.458.622)	60.764.378
<b>Cộng</b>	<b><u>8.922.750.353</u></b>	<b><u>97.223.000</u></b>	<b><u>(3.910.638.719)</u></b>	<b><u>5.109.334.634</u></b>

**23. Tài sản dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.400.000	757.280.000
Ký quỹ thuê tàu	41.220.000.000	37.864.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	287.347.120	270.567.120
<b>Cộng</b>	<b><u>42.331.747.120</u></b>	<b><u>38.891.847.120</u></b>

**24. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	459.039.020.368	63.902.918.144

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	39.600.000.000	18.803.981.842
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	5.171.348.302
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)	157.273.068.250	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7	51.463.731.014	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh	149.996.502.000	39.927.588.000
- Ngân hàng ANZ	38.655.719.104	-
- Ngân hàng BIDV	22.050.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.750.000.000	230.000.000.000
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	5.750.000.000	-
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	-	230.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.34)	8.180.000.000	20.720.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	6.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	2.180.000.000	8.720.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.33)	452.866.047	5.624.682.054
<b>Cộng</b>	<b><u>473.421.886.415</u></b>	<b><u>320.247.600.198</u></b>

**25. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	2.154.764.112	2.406.101.682
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	-	305.346.703
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	1.498.699.294	1.962.065.359
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	32.251.032	33.396.048
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	623.813.786	105.293.572
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	131.176.541.412	109.334.130.408
<b>Cộng</b>	<b><u>133.331.305.524</u></b>	<b><u>111.740.232.090</u></b>

**26. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động đại lý tàu biển	2.124.126.301	1.333.062.587
Khách hàng ứng trước cho hoạt động khai thác vận tải	23.456.966.044	3.207.573.053
<b>Cộng</b>	<b><u>25.581.092.345</u></b>	<b><u>4.540.635.640</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

### 27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%

Trong kỳ, thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Công ty bị lỗ nên chưa phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Riêng thu nhập của hoạt động chuyên nhượng bất động sản dự tính phải nộp là 3.958.232.868 VND và không được bù trừ vào lỗ của hoạt động kinh doanh.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ chưa bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho hoạt động đầu tư tại Singapore, Malaysia và Campuchia.

#### *Thuế nhà đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

### 28. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả công nhân viên.

### 29. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	10.566.484.679	7.120.776.825
Chi phí bốc xếp, lưu kho	5.767.573.360	5.012.734.633
Chi phí khác	2.382.741.123	1.947.787.978
<b>Cộng</b>	<b><u>18.716.799.162</u></b>	<b><u>14.081.299.436</u></b>

### 30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	469.089.625	1.387.935.076

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	886.593.241	1.452.001.676
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	738.658.347	-
Cổ tức phải trả	60.065.246.600	65.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.104.530.782	1.665.081.440
Doanh thu chưa thực hiện	16.586.077.930	2.785.397.978
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	2.876.881.267	30.744.708.032
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	344.918.702.495	215.336.499.341
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	10.293.585.975	10.293.585.975
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	26.756.469.121	33.006.800.644
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	32.216.002.964	820.662.632
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	246.000.000.000	160.000.000.000
- Công ty TNHH dịch vụ vận tải Trường Thọ - tiền mượn	23.893.728.000	-
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	5.758.916.435	11.215.450.090
Các khoản phải trả khác	75.977.383.162	18.657.408.158
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh – tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	27.200.000.000	-
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	39.512.704.585	9.392.729.581
<b>Cộng</b>	<b><u>507.339.405.358</u></b>	<b><u>273.810.520.210</u></b>
<b>31. Quý khen thưởng, phúc lợi</b>		
<b>Số đầu năm</b>	<b>6.675.813.335</b>	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	9.062.796.878	
Chi quỹ trong kỳ	<u>(5.860.772.952)</u>	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>9.877.837.261</u></b>	
<b>32. Phải trả dài hạn khác</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	22.980.690.597	22.941.117.275
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	-	25.368.880



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Cộng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<u>22.980.690.597</u>	<u>22.966.486.155</u>
<b>33. Vay và nợ dài hạn</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	291.997.045.000	84.997.045.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt <sup>(a)</sup>	72.000.000.000	72.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam		
- Chi nhánh Sài Gòn <sup>(b)</sup>	12.997.045.000	12.997.045.000
- Ngân hàng Standard Chartered	207.000.000.000	-
Trái phiếu chuyển đổi <sup>(c)</sup>	396.787.000.000	396.787.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>688.784.045.000</u></b>	<b><u>481.784.045.000</u></b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để mua tàu biển container Great Pride, thời hạn 4 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (c) Công ty đã phát hành 396.787 trái phiếu chuyển đổi không nhận lãi suất (tương đương 396.787.000.000 VND trái phiếu tính theo mệnh giá), thời gian chuyển đổi là 12 tháng kể từ ngày phát hành, giá chuyển đổi cổ phiếu Gemadept là 42.000 VND/cổ phiếu nhằm nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải như sau:
- Phát hành 226.687 trái phiếu để hoán đổi 39.980.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty cổ phần dịch vụ Hòa Bình Xanh.
  - Phát hành 170.100 trái phiếu để hóa đổi 30.000.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty TNHH Sông Hằng.

**34. Vốn chủ sở hữu****Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

*Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</u>
- Doanh thu dịch vụ vận tải	964.634.506.481	924.697.475.536
- Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	69.254.475.538	82.695.958.701
- Doanh thu đại lý	37.823.903.695	76.900.695.481
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.071.712.885.714</u></b>	<b><u>1.084.294.129.718</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</u>
- Giá vốn dịch vụ vận tải	983.590.420.523	904.854.580.331
- Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	21.648.223.559	26.929.616.275
- Giá vốn đại lý	26.308.917.132	55.297.356.070
<b>Cộng</b>	<b><u>1.031.547.561.214</u></b>	<b><u>987.081.552.676</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	25.694.760.657	3.400.255.073
Lãi đầu tư chứng khoán	9.094.191.280	40.567.182.547
Lãi góp vốn liên doanh, liên kết, cổ tức và lợi nhuận được chia	104.835.273.523	56.383.565.257
Lãi chênh lệch tỷ giá	47.518.317.586	19.053.406.800
Doanh thu khác	6.473.175.058	0
<b>Cộng</b>	<b><u>193.615.718.104</u></b>	<b><u>119.404.409.677</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</u>
Chi phí lãi vay	51.687.809.518	52.852.935.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá	32.987.039.160	26.395.919.696
Lỗ đầu tư chứng khoán	10.455.750.920	14.606.344.652
Dự phòng đầu tư chứng khoán	48.775.402.195	
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	52.278.070.500	15.617.995.257
<b>Cộng</b>	<b><u>196.184.072.293</u></b>	<b><u>109.473.195.159</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2011 CHƯA HỢP NHẤT**

Từ tháng 01 đến tháng 09 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</u>
Chi phí lương nhân viên quản lý	11.565.611.032	20.852.442.102
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.257.615.852	7.155.690.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.822.687.488	5.470.965.057
Chi phí khác	19.150.807.087	9.918.697.834
<b>Cộng</b>	<b><u>48.796.721.459</u></b>	<b><u>43.397.795.570</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</u>
Thanh lý tài sản cố định	27.647.283.635	41.188.932.983
Thu nhập khác	4.414.385.423	3.295.404.582
<b>Cộng</b>	<b><u>32.061.669.058</u></b>	<b><u>44.484.337.565</u></b>


**7. Chi phí khác**

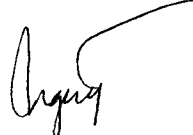
	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	11.226.556.481	6.052.925.209
Chi phí khác	537.395.346	429.000.811
<b>Cộng</b>	<b><u>11.763.951.827</u></b>	<b><u>6.481.926.020</u></b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/09/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	370.659.613.833	304.534.395.947
Chi phí nhân công	56.208.080.371	63.655.074.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.732.081.782	70.573.657.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.964.835.640	575.700.794.037
Chi phí khác	30.540.629.632	16.633.146.455
<b>Cộng</b>	<b><u>1.084.105.241.258</u></b>	<b><u>1.031.097.068.521</u></b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2011

  
 Trương Như Nguyễn  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Minh Nguyệt  
 Kế toán trưởng

  
 Đỗ Văn Minh  
 Tổng Giám đốc